TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16-11-2018
"*V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Ông Trương Kim Chung.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Bà Hoàng Thị Hồng.
  2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Ngụy Thế Xuân – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đăk Lăk.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Toản – Chức vụ: Kiêm sát viên.

Ngày 16/11/2018, tại phòng xử án Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo quyết định xét xử số 41/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/10/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST- HNGĐ ngày 26/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn A, xã S, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Anh Triệu Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn A, xã S, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2018 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Nông Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chi Nông Thị T và anh Triệu Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17/8/2011 tại UBND xã S, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến khoảng năm 2017 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng vợ chồng đã bỏ qua lỗi lầm cho nhau để hàn gắn tình cảm, nhưng đến khoảng tháng 4/2018 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng và đã ly thân cho đến nay, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, xung đột lẫn nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo cuộc sống riêng tư cho mỗi người và ổn định sinh sống làm ăn nên chị T xin ly hôn với anh Triệu Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Triệu Thị Nhật L - sinh ngày 21/9/2012 và cháu Triệu Quốc H, sinh ngày 03/4/2014. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho cháu Triệu Quốc H đến tuổi trưởng thành và đồng ý giao cháu Triệu Thị Nhật L cho anh Triệu Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Triệu Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng.*

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh T có mặt

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (VKS): Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, HĐXX và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn vi phạm không chấp hành theo triệu tập của Tòa án. Quan điểm của VKS đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] ***Về khởi kiện và thụ lý vụ án***: Ngày 21/6/2018 chị Nông Thị T nộp đơn khởi kiện, ngày 02/7/2018 Tòa án thụ lý việc khởi kiện của chị Nông Thị T là đúng trình tự thủ tục theo điều 191, điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] ***Về thẩm quyền giải quyết***: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] ***Về trình tự thủ tục tố tụng*****:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn anh Triệu Văn T không chấp hành theo giấy triệu tập, không lên Tòa án để trình bày ý kiến của mình cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Ngày 26/10/2018 Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lại ngày 16/11/2018, tại phiên tòa, bị đơn anh T có mặt và trình bày: Anh T thừa nhận lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, về con chung là đúng, nay chị T xin ly hôn thì anh không đồng ý lý do là anh vẫn còn tình cảm với chị T, vì các con đang còn nhỏ nên anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con. Nếu trường hợp phải ly hôn anh nhất trí theo nguyện vọng của chị T.

[4] ***Về quan hệ hôn nhân***: Chị T, anh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17/8/2011 tại UBND xã S, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T, anh T sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 4/2018 mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng đã ly thân

cho đến nay, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung nên chị T, anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xung đột lẫn nhau. Chị T, anh T đã sống ly thân với nhau. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì khoảng năm 2016 cho đến nay chị T, anh T đi làm ăn xa thi thoảng mới trở về địa phương. Tuy nhiên chỉ có một mình anh T trở về địa phương mà không thấy chị T về cùng từ năm 2016 đến nay. Tại phiên tòa anh T có nguyện vọng đoàn tụ gia đình nhưng Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nông Thị T và anh Triệu Văn T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Nông Thị T và anh Triệu Văn T ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] ***Về nuôi con chung và cấp dưỡng*****:**

[5.1] Về nuôi con chung: Chị T, anh T có 02 con chung là cháu Triệu Thị Nhật L - sinh ngày 21/9/2012 và cháu Triệu Quốc H, sinh ngày 03/4/2014. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho cháu Triệu Quốc H đến tuổi trưởng thành và anh T đồng ý nuôi cháu Triệu Thị Nhật L cho đến tuổi trưởng thành. nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận sự thỏa thuận cùa vợ chồng là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5.2]Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] ***Về tài sản chung và nợ chung***: Chị T, anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7]*Về án phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51 và các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nông Thị T. Chị Nông Thị T được ly hôn với anh Triệu Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Triệu Quốc H, sinh ngày 03/4/2014 cho chị Nông Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành, giao con chung là cháu Triệu Thị Nhật L, sinh ngày 21/9/2012 cho anh Triệu Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Chị T, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T, anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Nông Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0005303 ngày 29/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đăk Lăk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND thị xã Buôn Hồ;*
- *UBND P.Thiện An;*
- *UBND xã Ea Siên;*
-*Chi cụcTHA dân sự TX Buôn Hồ;*
-*Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, Vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Kim Chung